

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 334/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-9-2022

“V/v ly hôn giữa  
Chị T và anh C”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Rỡ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thái Quân

2. Ông Võ Văn Tám

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thiện Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:***  
Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** chị Ngô Thị Kim T, sinh năm 1986.

Hộ khẩu thường trú: số 03, tổ 01, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh An Giang.

Địa chỉ cư trú: 105/26 đường N, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị đơn:** anh Trịnh Văn C (Trịnh Minh C), sinh năm 1980.

Địa chỉ: số 03, tổ 01, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh An Giang.

*(Chị T và anh C vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngô Thị Kim T trình bày:

Chị và anh Trịnh Văn C sau thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của gia đình hai bên, có tổ chức lễ cưới năm 2012, sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến

năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do anh C không quan tâm đến gia đình, không lo được cho vợ con, chỉ biết cờ bạc, lô đề gây nợ, chị phải đứng ra trả nợ cho anh C nhiều lần nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị nhiều lần góp ý nhưng anh C không sửa đổi mà còn đánh chị nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Năm 2017, chị đến thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân để có tiền nuôi con, thỉnh thoảng mới về thăm con, vợ chồng ly thân đến nay. Năm 2019, chị phát hiện anh C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, anh C còn nhắn tin và gửi những hình ảnh thân mật với người khác cho chị. Trong quá trình chung sống, chị đã cho anh C thời gian sửa đổi thói cờ bạc, lô đề để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng đến nay anh C vẫn không sửa đổi mà còn có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Văn C.

Về nuôi con chung: Chị T và anh C có 02 con chung tên Trịnh Bình A, sinh ngày 30/4/2013 và Trịnh Ngọc Tường V, sinh ngày 25/11/2016, hiện anh C đang nuôi dưỡng, chị T thống nhất giao 02 con chung cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Quá trình giải quyết vụ án anh C trình bày:

Anh thống nhất với trình bày trên của chị T về nguyên nhân mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh C đồng ý ly hôn, anh chị không đăng ký kết hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung tên Trịnh Bình A, sinh ngày 30/4/2013 và Trịnh Ngọc Tường V, sinh ngày 25/11/2016, hiện anh C đang nuôi dưỡng, anh C yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

+ Về chia tài sản: tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: không có.

Tại công văn số 09/CV-UBND ngày 26/8/2022 của Ủy ban nhân dân xã P xác định Trịnh Văn C và Trịnh Minh C, sinh năm 1980 là cùng một người, anh Trịnh Văn C và chị Ngô Thị Kim T không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:*

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định phân công thẩm phán giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh chị theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Năm 2012 chị T và anh C sống chung như vợ chồng, mặc dù hai bên đã đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng lý kết hôn theo luật định, nên hôn nhân của anh chị là không hợp pháp, căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Ngô Thị Kim T và anh Trịnh Văn C là vợ chồng.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thống nhất của chị T và anh C về việc nuôi con khi ly hôn. Anh C tiếp tục nuôi hai con chung tên Trịnh Bình A, sinh ngày 30/4/2013 và Trịnh Ngọc Tường V, sinh ngày 25/11/2016, hiện nay cháu A và cháu V đang sống với anh C. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giả quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh C với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại số 03, tổ 01, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh chị là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về hôn nhân: Năm 2012 chị T và anh C sống chung như vợ chồng, mặc dù hai bên đã đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng lý kết hôn theo luật định, nên hôn nhân của anh chị là không hợp pháp, căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận chị Ngô Thị Kim T và anh Trịnh Văn C là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Ghi nhận sự thống nhất của chị T và anh C về việc nuôi con khi ly hôn. Anh C tiếp tục nuôi hai con chung tên Trịnh Bình A, sinh ngày 30/4/2013 và Trịnh Ngọc Tường V, sinh ngày 25/11/2016, hiện nay cháu A và cháu V đang sống với anh C. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh C cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản: Tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ghi nhận các bên đương sự xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[2.5] Về án phí sơ thẩm, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Ngô Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Ngô Thị Kim T và anh Trịnh Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thống nhất của chị T và anh C về việc nuôi con khi ly hôn. Anh C tiếp tục nuôi hai con chung tên Trịnh Bình A, sinh ngày 30/4/2013 và Trịnh Ngọc Tường V, sinh ngày 25/11/2016, hiện nay cháu A và cháu V đang sống với anh C. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh C cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Ghi nhận các bên đương sự xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Ngô Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005109 ngày 24/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh C không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Thị Rõ**